TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/DS-ST
Ngày: 21-7-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền

Ông Nguyễn Tiến Ngọc

-Thư ký phiên toà: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Hồng H - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2026, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc giải quyết vụ án tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2025/QĐXXST-DS ngày 26/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2026/QĐXXST-DS ngày 22/6/2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn: Bà Lê Thị Minh L, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn 3, xã Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở: thôn Vạn Thạch (nay là thôn Vân Xuyên), xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 (là chồng bà S) (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

(Do bà Nguyễn Thị S đại diện theo ủy quyền)

- Ông Chu Văn L1, sinh năm 1964 (chồng bà L) (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V (nay là thôn V), xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2026, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà và bà Lê Thị Minh L có quen biết với nhau từ trước. Ngày 15/10/2016, bà có cho bà Lê Thị Minh L vay số tiền 50.000.000 đồng (bằng chữ Năm mươi triệu đồng chẵn). Giấy vay tiền viết tại nhà bà. Khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi xuất. Bà xác định chữ viết, chữ ký trên toàn bộ giấy vay và trong mục người viết "L, Lê Thị Minh L" là chữ ký chữ viết của bà L. Khi viết xong giấy bà đã đưa cho bà L tiền mặt đủ số tiền 50.000.000 đồng. Bà L vay bà số tiền trên mục đích để sử dụng cá nhân. Bà xác định số tiền cho chị L vay là số

tiền của cá nhân bà, không liên quan gì đến tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án không đưa chồng bà là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1960 vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà xác định nợ là của cá nhân chị L không liên quan đến chồng bà L là ông Chu Văn L1. Đề nghị Tòa án không đưa ông Chu Văn L1 là chồng bà L vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Bà xác định từ khi vay đến nay bà L không trả được cho bà khoản tiền gốc nào cho dù bà đã đòi rất nhiều lần nhưng bà L toàn khất nợ. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Minh L phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 15/10/2016 và không yêu cầu lãi.

Tại phiên tòa bà S có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

*Bị đơn bà Lê Thị Minh L trình bày:

Ngày 15/10/2016, bà có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay, mục đích vay là để xin việc cho người khác, không dùng vào chi tiêu của gia đình. Bà xác định nội dung chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 15/10/2016 và chữu ký « L, Lê Thị Minh L » tại mục vay tiền là do chị viết và ký. Chị xác định nợ là của cá nhân bà không liên quan đến chồng bà là ông Chu Văn L1 và đề nghị Tòa án không đưa ông Chu Văn L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Nay bà Nguyễn Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền gốc 50.000.000 đồng thì bà đồng ý trả và xin trả dần.

Tại phiên tòa bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T (chồng bà S) trình bày: Ông xác định việc bà S cho chị L vay tiền là tiền cá nhân của bà S, không phải tiền chung của vợ chồng. Vì lý do sức khỏe, nên ông ủy quyền cho vợ ông là bà Nguyễn Thị S tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc, mọi quyết định của bà S là quyết định của ông.

Tại phiên tòa ông T có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn L1 (chồng bà L) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, các văn bản của Tòa án bà L nhận và cam kết giao lại cho ông L1, nhưng ông L1 không lên Tòa án làm việc.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chấp hành tốt, bị đơn chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 -Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1-Điều 12; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Soi

Buộc bà Lê Thị Minh L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Bà Lê Thị Minh L phải chịu 2.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp do thuộc đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền gốc, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn thôn V, xã H, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai và có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L1 vắng mặt lần hai không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số tiền gốc 50.000.000 đồng thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì hai bên đều xác định ngày 15/10/2016, bà Lê Thị Minh L có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có viết giấy vay, không thoả thuận lãi, mục đích vay dùng vào việc cá nhân. Bà S xác định bà L chưa trả được số tiền nào và bà L cũng xác định còn nợ số tiền của bà S 50.000.000 đồng. Nay bà S khởi kiện cá nhân bà L trả số tiền gốc 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Bà S và ông T đều xác định là tài sản riêng của cá nhân bà S và là nợ riêng của cá nhân bà L, bà L cũng xác định là nợ riêng cá nhân bà. Do vậy, buộc cá nhân bà L phải trả cho cá nhân bà Nguyễn Thị S là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, do bà Nguyễn Thị S chỉ yêu cầu trả số tiền gốc, không yêu cầu trả lãi, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S được chấp nhận nên cá nhân bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị S được miễn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1-Điều 12; Khoản 2-Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 5-Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Soi

Buộc bà Lê Thị Minh L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Bà Lê Thị Minh L phải chịu 2.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị S được miễn tiền tạm ứng án phí dân sự do thuộc đối tượng người cao tuổi.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự